

RESEARCH FOR THE DIVERSITY OF THE CULTURAL LANDSCAPE IN THE SON RIVER BASIN, SUGGESTING TOURIST ROUTES TO PROMOTE THE VALUES AND PRESERVE THE LOCAL CULTURE

NGHIÊN CỨU SỰ ĐA DẠNG CẢNH QUAN VĂN HOÁ Ở LƯU VỰC SÔNG SON, ĐỀ XUẤT CÁC TUYẾN DU LỊCH NHẪM PHÁT HUY GIÁ TRỊ VÀ BẢO TỒN VĂN HOÁ ĐỊA PHƯƠNG

Lê Hải Thành¹, Nguyễn Huệ¹, Cao Thị Thanh Thuỷ², Võ Thị Nho²,
Hoàng Anh Vũ², Võ Văn Thiệp²

¹Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình

²Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *The Son River basin plays an important role in providing water for domestic use, irrigation and industry, besides it also has great value in contributing to the formation and cultivation of historical and cultural traditions in the countryside, where there are many unique imprints. By basic research methods, the study was carried out from November 2021 to July 2022 along the Son river basin. The research results show that in the Son river basin, there are all levels of landscape in the natural classification, including mountain landscape class, hill landscape class, and plain landscape class. From there, forming layers of cultural landscapes, correspond to the cultural landscape of the mountains, the cultural landscape of the hills, and the cultural landscape of the plains. Each landscape layer has outstanding features in the organization of residential space, customs, and habits bearing the imprint of the Son River. On that basis, the study has proposed six tourist routes along the Son river basin, contributing to the livelihoods of the people, as well as promoting and preserving the cultural values of the locality.*

Keywords: Cultural landscape, river basin, Son river

TÓM TẮT: Lưu vực sông Son là một vùng đất có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước cho sinh hoạt, tưới tiêu, công nghiệp, bên cạnh đó còn có giá trị to lớn góp phần hình thành, vun đắp truyền thống lịch sử và văn hóa vùng quê đặc trưng với đặc điểm của các làng ven sông. Bằng các phương pháp nghiên cứu cơ bản, thực hiện từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 7 năm 2022 dọc theo lưu vực sông Son. Các kết quả nghiên cứu cho thấy cảnh quan tự nhiên ở lưu vực sông Son có sự phân hóa đa dạng và phức tạp gồm: lớp cảnh quan núi, lớp cảnh quan đồi, lớp cảnh quan đồng bằng. Từ đó hình thành nên các lớp cảnh quan văn hóa tương ứng lớp cảnh quan văn hóa miền núi, lớp cảnh quan văn hóa vùng đồi, lớp cảnh quan văn hóa vùng đồng bằng. Mỗi lớp cảnh quan có những đặc trưng nổi bật về tổ chức không gian quần cư, phong tục tập quán mang đậm dấu ấn của sông Son. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất được sáu tuyến du lịch dọc theo lưu vực sông Son, góp phần tạo sinh kế cho người dân, cũng như quảng bá và bảo tồn các giá trị văn hoá của địa phương.

Từ khoá: Cảnh quan văn hoá, lưu vực sông, sông Son.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sông Son là chi lưu lớn nhất ở phía hữu ngạn của sông Gianh được bắt nguồn từ độ cao 1,350m thuộc vùng núi đá vôi Kẻ Bàng - Phong Nha. Dòng chính sông Son chảy

theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, sông chảy qua vùng đồi đất của huyện Bố Trạch và đổ vào sông Gianh ở Vạn Phú thuộc địa phận xã Quảng Văn, thị xã Ba Đồn. Lưu vực sông (LVS) Son có diện tích khoảng

1,556km² trong đó phần đá vôi là 723km² chiếm 46,5%, có chiều dài 65km và chiều rộng bình quân 36,8 km, độ dốc bình quân 22,4%, lưu vực có mật độ lưới sông 1,10km/km² [2]. Ngoài vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước, đồng thời cũng là nơi tiêu thoát nước cho các hoạt động sản xuất công nghiệp và nông nghiệp và sinh hoạt của dân cư trong vùng, thì LVS Son còn có một giá trị to lớn góp phần hình thành, vun đắp truyền thống lịch sử và văn hóa vùng quê mang đậm dấu ấn bản sắc làng ven sông.

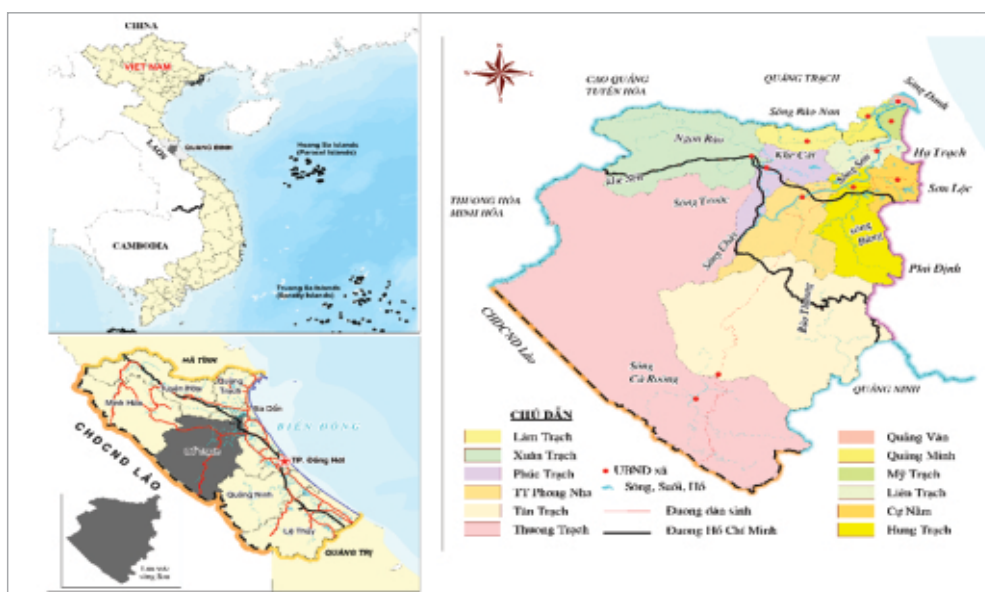
Việc tìm hiểu phân bố và khảo sát sự đa dạng cảnh quan văn hoá (CQVH) trong khu vực ven sông là rất quan trọng đối với cộng đồng địa phương, đặc biệt là khi khái niệm này đang nhận được nhiều sự quan tâm. Việc lập bản đồ, quản lý thông tin và nghiên cứu sự đa dạng CQVH được thực hiện phổ biến, đặc biệt ở các khu vực ven sông lớn trên thế giới. Nghiên cứu cảnh quan văn hoá giúp bảo tồn di sản và hỗ trợ phát triển bền vững. Kết quả khảo sát CQVH ven sông là

cơ sở quan trọng và có thể giúp đưa ra quyết định và hành động chính sách cho phát triển bền vững. Do đó, không quá ngạc nhiên khi trên thế giới, đặc biệt là ở các LVS sông lớn, vấn đề lập bản đồ, quản lý thông tin, nghiên cứu sự đa dạng CQVH đã được thực hiện khá phổ biến [7, 9]. Tại Việt Nam, việc nghiên cứu sự đa dạng CQVH chỉ mới tập trung vào các LVS lớn, như LVS sông Đồng Nai, LVS sông Mê Kông, LVS sông Hồng [1, 4, 6]. Do đó, nghiên cứu này sẽ là một dẫn liệu quan trọng bổ sung vào các tài liệu CQVH LVS ở Quảng Bình nói riêng và của cả nước nói chung. Mục đích của nghiên cứu là xác định các dạng CQVH trên LVS Sơn, từ đó đề xuất được các tuyến du lịch văn hoá cộng đồng nhằm phát huy giá trị và bảo tồn bản sắc văn hoá địa phương.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là tài nguyên cảnh quan văn hóa ở 12 xã, thị trấn trên lưu vực sông Son (Hình 1).



Hình 1. Khu vực nghiên cứu

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập tài liệu: Từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 4 năm 2022, nhóm nghiên cứu thu thập các tài liệu về khu vực nghiên cứu như báo cáo tổng hợp về kinh tế - văn hóa - xã hội của các xã trong khu vực nghiên cứu.

Phương pháp PRA (Participatory Rural Appraisal): đây là một trong những phương pháp nghiên cứu khá đặc trưng trong đề tài và được đánh giá là phương pháp nhằm thúc đẩy, khuyến khích và lôi cuốn người dân nông thôn cùng tham gia chia sẻ, thảo luận và phân tích kiến thức của họ, trên cơ sở đó để thu thập cơ sở dữ liệu đảm bảo tính khách quan cũng như đề xuất các sản phẩm nghiên cứu có ý nghĩa thiết thực nhất cho cộng đồng.

Phương pháp thảo luận cộng đồng (hợp dân): Sau khi tiến hành thu thập dữ liệu, điều tra, phỏng vấn và cùng người dân, xây dựng bản đồ CQVH các xã, nhóm nghiên cứu tổ chức hội thảo cùng với nhóm lãnh đạo địa phương và cộng đồng trong vùng. Nhằm khai thác và kiểm chứng thông tin trong cộng đồng bản địa, chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn kiểu quả bóng lăn với hệ thống câu hỏi mở để thu thập và đối chiếu thông tin.

Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý tài liệu, số liệu thống kê: Thông tin thu thập được sẽ được lưu trữ và phân tích bằng chương trình Excel.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. LVS Son có tính đa dạng và phức tạp về cấu trúc CQVH

Cảnh quan tự nhiên LVS Son có sự đa dạng, bao gồm: lớp cảnh quan núi, lớp cảnh quan đồi, lớp cảnh quan đồng bằng. Trong phân loại cảnh quan tự nhiên, mỗi phụ lớp có nhiều cảnh quan khác nhau, chi tiết đến từng khu vực nhỏ. Đối chiếu với hệ thống phân loại CQVH Việt Nam do tác giả Nguyễn Cao Huân đề xuất theo hướng hoạt động kinh tế, lãnh thổ Việt Nam có 6 lớp CQVH. Bao gồm: cảnh quan nông nghiệp, cảnh quan rừng nhân sinh, cảnh quan quần cư nông thôn, đô thị và công nghiệp, cảnh quan thủy vực nhân tạo, cảnh quan bảo tồn, cảnh quan cây bụi, hoang hóa do tác nhân. Đối với CQVH Quảng Bình thực sự chưa có ai nghiên cứu phân loại. Trong phạm vi nghiên cứu này, để phục vụ cho vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và phát huy các giá trị kinh tế, văn hóa LVS Son, nhóm nghiên cứu lựa chọn tiêu chí trong phân loại cảnh quan tự nhiên theo độ cao địa hình đối chiếu qua. Từ đó hình thành nên các lớp CQVH tương ứng lớp CQVH miền núi, lớp CQVH vùng đồi, lớp CQVH vùng đồng bằng, điều này phù hợp với công bố trước đó của Trương Thị Tư (2012) trong nghiên cứu về cảnh quan tự nhiên Quảng Bình [6]. Phân lớp CQVH ở LVS Son được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Phân bố cảnh quan văn hoá ở LVS Son

	Cảnh quan văn hóa	Khu vực
Lớp CQVH miền núi	Phụ lớp CQVH núi cao	Xã Thượng Trạch, xã Tân Trạch
	Phụ lớp CQVH núi thấp	Xã Xuân Trạch, xã Phúc Trạch, TT Phong Nha
Lớp CQVH vùng đồi	Phụ lớp CQVH vùng đồi cao	Xã Liên Trạch, xã Lâm Trạch, TT Phong Nha
	Phụ lớp CQVH vùng đồi thấp	Xã Xuân Trạch, xã Liên Trạch, xã Cự Nẫm, xã Phúc Trạch, xã Mỹ Trạch, xã Quảng Minh, xã Hưng Trạch
Lớp CQVH đồng bằng		Xã Cự Nẫm
	Phụ lớp CQVH vùng đồng bằng cao	Xã Liên Trạch, TT Phong Nha, xã Quảng Minh, xã Hưng Trạch, xã Mỹ Trạch
	Phụ lớp CQVH vùng đồng bằng thấp	Xã Mỹ Trạch, xã Cự Nẫm, xã Quảng Văn
	Phụ lớp CQVH dải cồn cát ven biển	Không có

Trong phân loại cảnh quan tự nhiên, mỗi phụ lớp có nhiều loại cảnh quan khác nhau, chi tiết đến từng khu vực nhỏ. Ở mỗi phụ lớp sẽ có các cảnh quan cụ thể chi tiết cho từng khu vực nhỏ, có thể hiểu đó là từng khu vực nhỏ như làng, bản hoặc thôn, xóm mà có những đặc điểm riêng biệt. Tuy nhiên, để tiến hành phân loại đến cảnh quan trong các phụ lớp cần có thời gian dài để thực địa, tiếp cận và nghiên cứu sâu đến từng khu vực thôn, xóm.

3.2. Cảnh quan văn hoá LVS Son phong phú về diện mạo và đa dạng về động lực cảnh quan

3.2.1. Lớp CQVH miền núi

a. Phụ lớp CQVH núi cao thuộc xã Tân Trạch và Thượng Trạch

Địa hình núi cao, là thượng nguồn sông Son, sông suối nhỏ, nhiều ghềnh thác, địa hình karst điển hình có nhiều hang động, sông ngầm trong núi đá vôi như hang Sơn Đoòng, hang Én (Tân Trạch), thác Bụt, thác Nụ ở Thượng Trạch,...che phủ bởi

diện tích rừng tự nhiên.

Không gian quần cư: dân cư thưa thớt (mật độ dân số dao động từ 1,2 người/ km² đến 3,5 người/km²), sống rải rác theo nhóm người hoặc bản làng nhỏ ở các thung lũng ven sông suối. Kiến trúc nhà ở kiểu nhà sàn để tránh gió núi và thú dữ, làm bằng các vật liệu tre, nứa, gỗ; không gian sản xuất là nương rẫy, hái lượm khu vực rừng sâu; không gian tâm linh là rừng ma, rừng thiêng nằm hoang dã trong rừng tự nhiên - đây là những khu vực ít người qua lại, không được phép săn bắt, hái lượm và canh tác nên trở thành những khu vực bảo tồn nghiêm ngặt trong thôn bản.

Sinh kế: làm nương rẫy trồng lúa nương, sản theo hình thức canh tác đốt, phát, tria; săn bắn, hái lượm theo mùa.

Ngôn ngữ: có hai nhóm dân tộc Chứt và Bru - Vân Kiều, không có chữ viết, các tộc người có tiếng nói riêng như Bru - Vân Kiều, Macoong, Arem.

Trang phục truyền thống: trước đây là

vỏ cây, hiện nay là vải có hoa văn thổ cẩm ảnh hưởng văn hoá Lào.

Lễ hội truyền thống: lễ vật là các sản vật mang màu sắc núi rừng như rượu đoác, gà, xôi nếp nướng, thịt thú rừng, cá khe, trống lễ hội làm từ da sơn dương,... diễn ra vào đầu năm, trước thời điểm phát triển nương rẫy. Diễn hình có lễ hội đập trống Macoong vào ngày 15 tháng giêng âm lịch hàng năm.

b. Phụ lớp CQVH núi thấp thuộc xã Xuân Trạch, xã Phúc Trạch và một phần TT Phong Nha:

Địa hình núi thấp, khu vực chuyển tiếp từ thượng nguồn đến trung lưu sông Son, sông suối mở rộng dần lòng sông từ hình thái chữ V ở thượng nguồn qua hình thái chữ U ở trung lưu, sông có nhiều ghềnh hiểm trở, địa hình karst điển hình có nhiều hang động, sông ngầm trong núi đá vôi như hang động như động Thiên đường (xã Phúc Trạch), động Phong Nha, động Tiên Sơn (TT Phong Nha), Hang Tinh uy, hang Xà phòng, hang Cơ khí (xã Phúc Trạch),... có nhiều thung lũng rộng lớn xen giữa các dãy núi đá vôi. Sông có bãi bồi rộng, hàng năm vào mùa lũ có phù sa bồi đắp nên đất đai khá màu mỡ. Khu vực này diện tích rừng tự nhiên giảm, rừng trồng (keo, thông) chiếm đa số diện tích rừng. Nước sông Son đổi màu phù sa đỏ về mùa mưa lũ hoặc vào những ngày mùa khô có mưa ở phía thượng nguồn.

Không gian quần cư: mật độ dân cư dao động từ 117 đến 127 người/km² [3], sống tập trung ở thung lũng rộng lớn, đồng bằng xen kẽ với các dãy núi đá vôi, lèn đá. Kiến trúc nhà ở kiểu truyền thống là nhà ba gian hai chái, có gác tra để cất lúa gạo, lương thực và tránh lũ. Không gian sản xuất ở các vùng thung lũng người dân nuôi trâu

bò, trồng ngô và lạc, vùng đồi thấp trồng rừng và cây ăn quả; khu vực thị trấn Phong Nha có trồng lúa nước. Không gian tâm linh của người dân khu vực này có những dấu ấn trong cảnh quan khá rõ nét như đạo Thiên Chúa có nhà thờ vùng, nhà thờ họ, khu vực nghĩa địa người theo đạo Thiên Chúa có kiến trúc điển hình là có dấu chữ thập.

Sinh kế: trồng lạc, ngô, lúa, trồng rừng và chăn nuôi trâu bò là chủ yếu, đánh bắt thủy sản tự nhiên trên sông Son, sau khi Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới một số bộ phận dân cư trong vùng chuyển đổi cơ cấu ngành nghề sang làm du lịch như lái xe, dịch vụ nhà hàng, dịch vụ lưu trú, hướng dẫn viên, chụp ảnh, bán đồ lưu niệm, lái thuyền du lịch, nuôi cá lồng trên sông,...

Ngôn ngữ: tiếng Kinh.

Trang phục truyền thống: áo dài (đi lễ, đi hội và các sự kiện quan trọng).

Lễ hội truyền thống: không có lễ hội gì đặc sắc.

3.2.2. Lớp CQVH vùng đồi

a. Phụ lớp CQVH vùng đồi cao thuộc các xã Liên Trạch, xã Lâm Trạch và một phần phía bắc, phía tây TT Phong Nha, xã Hưng Trạch

Địa hình đồi cao, khu vực trung lưu sông Son, sông suối có trắc diện ngang mở rộng lòng sông có hình thái chữ U, trắc diện dọc mềm mại, uốn lượn quan các đồi, nước đầy trong xanh, không có ghềnh thác. Sông có bãi bồi mở rộng, hàng năm vào mùa lũ có phù sa bồi đắp nên đất đai khá màu mỡ. Khu vực này diện tích rừng tự nhiên rất hạn chế, rừng trồng như keo, thông chiếm đa số diện tích rừng.

Không gian quần cư: mật độ dân cư trung bình từ 117 đến 145 người/km² [3],

sống tập trung thành làng mạc bố trí dọc ven sông hoặc núp dưới các thung lung nhỏ hẹp nép vào chân đồi. Vùng này có kiến trúc nhà ở kiểu truyền thống là nhà ba gian hai chái, có gác tra để cất lúa gạo, lương thực và tránh lũ. Vật liệu chủ yếu là gỗ ghép, sau này những gia đình có điều kiện làm nhà bằng các vật liệu mới xi măng, nhôm,... không gian sản xuất ở các vùng thung lũng người dân nuôi trâu bò, trồng ngô và lạc, trồng lúa, vùng đồi thấp trồng rừng và cây ăn quả; ngoài các nhà thờ Thiên Chúa giáo, không gian tâm linh trong làng còn có miếu thờ Thành Hoàng làng, miếu thờ những người có công trạng với làng, đình cổ làng Minh Lệ (xã Quảng Minh) là di tích lịch sử quốc gia.

Sinh kế: trồng lạc, ngô, lúa, trồng rừng và chăn nuôi trâu bò là chủ yếu, đánh bắt và nuôi trồng thủy trên sông Son như nuôi cá trắm, cá chình,...

Ngôn ngữ: tiếng Kinh.

Trang phục truyền thống: áo dài (đi lễ, đi hội và các sự kiện quan trọng).

Lễ hội truyền thống: có lễ hội cá trắm Phong Nha.

b. Phụ lớp cảnh quan vùng đồi thấp thuộc một phần các xã Xuân Trạch, xã Liên Trạch, xã Cự Nẫm, xã Phúc Trạch, xã Mỹ Trạch, xã Quảng Minh, xã Hưng Trạch.

Ngoại trừ độ cao, địa hình, nhìn chung không có sự khác biệt lớn. Đây là các vùng đồi chuyển tiếp tiếp giáp với các vùng đồng bằng cao. Khu vực này chủ yếu được che phủ bởi rừng trồng là keo và tràm. Sông nước đầy, lòng sông mở rộng và sâu, nước chảy mạnh.

Nhiều làng mạc trù phú, bình yên soi bóng ven sông tạo cảnh quan nông thôn tuyệt đẹp. Những năm gần đây, hình thành

khá nhiều mô hình gia trại, trang trại nông kết hợp du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp vùng đồi như khu du lịch sinh thái Đồi Dẻ, khu nghỉ dưỡng Đồi Mây Đẳng, Happy hill (xã Cự Nẫm), khu du lịch suối Đá, khu cắm trại Blue Diamon (xã Xuân Trạch), điểm dừng chân East Hill, Thung Gió, Đồng Soi farm (xã Hưng Trạch),...

3.2.3. Lớp cảnh quan văn hóa đồng bằng

a. Phụ lớp CQVH vùng đồng bằng cao thuộc một phần các xã Cự Nẫm, xã Liên Trạch, thị trấn Phong Nha, xã Quảng Minh, xã Hưng Trạch.

Địa hình vùng đồng bằng cao, phân bố ở hạ lưu sông Son, lòng rộng mở, trác diện dọc mềm mại, uốn lượn, nước trong xanh chỉ đổi màu khi có lũ ở thượng nguồn, bờ sông xuất hiện bậc thềm. Bờ sông có nhiều nơi bị sạt lở, xâm thực mạnh. Diện tích rừng tự nhiên ít, chủ yếu là rừng trồng như keo, tràm, thông.

Không gian quần cư: dân cư sống tập trung thành dải làng mạc ven triền sông, các hoạt động con người gắn liền với vùng sông nước như bến đò, bến chợ, đi lại buôn bán dọc hai bên bờ sông. Các di tích lịch sử qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ gắn liền với các địa danh ven sông Son. Có nhiều nhà thờ Thiên Chúa có kiến trúc khá điển hình như các điểm nhấn dọc hai bên bờ sông.

Sinh kế của người dân khá đa dạng, ngoài đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trên sông Son, trồng rừng, làng nghề truyền thống như làm nón, làm bánh tráng, buôn bán,...

Ngôn ngữ: tiếng Kinh.

Trang phục truyền thống: áo dài (đi lễ, đi hội và các sự kiện quan trọng).

Lễ hội truyền thống: đối với người

theo đạo Thiên Chúa có lễ Noel.

b. Phụ lớp CQVH vùng đồng bằng thấp ở một phần các xã Xã Mỹ Trạch, xã Quảng Văn, xã Cự Nẫm, xã Quảng Minh

Địa hình vùng đồng bằng thấp, phân bố ở hạ lưu sông Son, lòng sông sâu và rộng mở, hình thái sông mềm mại, uốn lượn quanh các đồi thấp, nước đầy chuyển màu đục, bờ sông xuất hiện bậc thềm, ở một số đoạn có bãi bồi, cồn nổi giữa lòng sông. Một số nơi thấp trũng là khu vực dễ bị ngập lụt dài ngày vào mùa mưa bão, có khi bị cô lập hoàn toàn như thôn Hà Môn (xã Cự Nẫm). Địa bàn canh tác chủ yếu là lúa, ngô, lạc, riêng các bãi bồi ven sông một mùa ngập lụt, một mùa bà con trồng rau, lạc, khoai lang, nhưng ngô vẫn chiếm diện tích nhiều nhất.

Không gian quần cư: làng mạc bố trí dọc ven triền sông, các hoạt động con người gắn liền với vùng sông nước. Vùng này vẫn duy trì kiến trúc nhà ở kiểu truyền thống là nhà ba gian hai chái hoặc nhà xây không kiên cố nhưng có gác tra hoặc chòi tránh lũ hoặc nhà hai, ba tầng có sử dụng vật liệu chủ yếu xi măng, nhôm, sắt thép để ứng phó với mùa mưa lũ hàng năm. Không gian ở và không gian sản xuất trùng nhau. Không gian tâm linh trong làng còn có miếu thờ Thành Hoàng làng, miếu thờ những người có công trạng với làng, nhà thờ các dòng họ,...

Sinh kế: trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trên sông Son như nuôi cá loại cá nước ngọt và nước lợ (cá diá, cá mè kẻ, cá vược, tôm,...), buôn bán nhỏ, làm du lịch,...

Ngôn ngữ: tiếng Kinh.

Trang phục truyền thống: áo dài.

Lễ hội truyền thống: ngoài các lễ hội tôn giáo thì không có gì đặc biệt.

3.3. Hiện trạng phân bố và tổ chức không gian cảnh quan văn hóa LVS Sơn thể hiện sự đa dạng về chức năng

3.3.1. Không gian quần cư

Theo tác giả Lê Thông (2010), Quần cư là dạng tổ chức sắp xếp không gian của con người, không gian ở và không gian sản xuất [5]. Việc tổ chức sắp xếp này thay đổi theo thời gian và không gian, tùy từng thời kỳ, có nhiều yếu tố tác động biến đổi. Tùy vào chức năng, mức độ tập trung dân cư, vị trí địa lý kinh tế, kiến trúc, cũng như quy hoạch mà chia thành quần cư nông thôn và quần cư thành thị.

Không gian quần cư là một phần trong các thành phần cấu tạo nên CQVH. Điều này tạo nên sự phân hoá CQVH, sau khi phân tích, áp dụng vào LSV Sơn chúng tôi phân chia sự phân hoá theo không gian như sau:

CQVH miền núi: đặc trưng ở các bản thường phân bố dọc các thung lũng bằng phẳng, ven khe suối như bản Cà Roòng 1 và 2 phân bố dọc suối Cà Roòng; bản Đoòng phân bố cạnh khe Bà Giằng, Rào Thương. Những bản làng bé nhỏ nép mình dưới tán rừng xanh trập trùng, hoang vu,...Trước đây, do tập tục canh tác du canh du cư, trong lịch sử của dân tộc của mình họ di chuyển nhiều nơi. Có những thời điểm có chiến tranh, tránh bom đạn, họ phải tách thành từng nhóm nhỏ sống trong các hang đá quanh khu vực các con suối ven sông Son. Sau này, nhờ có chính sách của Nhà nước họ định canh định cư tại các bản như hiện nay. Trong bản, không gian công cộng thường là điểm lấy nước sạch, nhà văn hóa cộng đồng, sau này có thêm trường học, trạm y tế,... Diễn hình có xã Thượng Trạch, Tân Trạch.

CQVH vùng đồi: không gian cư trú

phân bố dọc ven sông suối, dựa vào chân đồi, có phong cảnh hữu tình. Vì vậy, các điểm phân bố dân cư trước đây theo dạng dải bám ven đồi và ven suối. Các không gian công cộng ở đây là giếng làng, đình làng, chợ,... Ngoài ra, còn có trường học, sân vận động,... điển hình có Cụ Năm, Liên Trạch, Xuân Trạch, Phúc Trạch, TT Phong Nha,...

Cảnh quan vùng đồng bằng: phân bố dọc ven sông, làng xóm trù mật, dân cư đông đúc, cảnh trên bến dưới thuyền tấp nập,... Bố trí không gian bám dọc bờ sông, quy hoạch dạng dải, dạng đường,... ở những chỗ có diện tích rộng thì bố trí kiểu ô bàn cờ... Mặt tiền làng xã quay phía sông. Không gian công cộng là đình làng, chợ, bến sông, sân vận động, trường học,... Quảng Văn, Mỹ Trạch là hai xã điển hình cho cảnh quan này.

3.3.2. Không gian sản xuất, sinh kế

Không gian sản xuất, sinh kế này có thể xen lẫn trùng với không gian ở, hoặc tách biệt. Ở các xã Thượng Trạch và Tân Trạch, có khu vực canh tác, sản xuất xa khu dân cư, thường có ít nhất ba khu vực canh tác là rẫy đang làm, rẫy cũ chờ đất nghỉ khoảng 2, 3 năm và rẫy đang canh tác nhưng đã nghèo dinh dưỡng chuẩn bị thay thế. Người dân ở đây có tập quán canh tác phát rẫy, chọc lỗ tra hạt luân phiên ở các rẫy trên đồi, núi nên vùng đất canh tác thường là sắn, bắp, lúa nương, các loại cây có đặc điểm sinh thái chịu hạn tốt. Ngoài ra, không gian sinh kế của đồng bào ở hai xã này có thể mở rộng vào các vùng rừng xa để khai thác các sản vật từ rừng như củi đốt, măng, rau, dược liệu, mật ong, cá, thú... Sau sự kiện VQG Phong Nha - Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là di sản thế giới vào năm 2003, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị Di sản

thiên nhiên thế giới này đã hạn chế việc phá rừng làm nương rẫy, đánh bắt động vật hoang dã và khai thác rừng trái phép.

Ở khu vực vùng đồi chuyển tiếp, ngành nghề đa dạng hơn, không gian sản xuất mở rộng và đan xen lẫn không gian ở. Nghề trồng lúa nước ở các khu vực bằng phẳng, có nguồn nước cung cấp ven sông Son. Vùng đất cao, bãi bồi ven sông là khu vực trồng trọt hoa màu như ngô, mía, lạc,... và chăn nuôi. Từ xã Xuân Trạch, Phúc Trạch, thị trấn Phong Nha, xã Hưng Trạch, xã Cụ Năm diện tích đất trồng hoa màu nhiều hơn trồng lúa. Ở các bãi bồi ven sông suối bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 3, 4 hàng năm phủ màu xanh mướt của ngô, lạc đã tạo cảnh quan tuyệt đẹp ở các vùng đồi. Trên sông Son và các chi lưu từ thị trấn Phong Nha, xã Hưng Trạch, Liên Trạch, Cụ Năm, Mỹ Trạch về đến Quảng Văn nghề nuôi trồng thủy sản đều phát triển. Thời gian gần đây các xã có sự chuyển dịch cơ cấu con giống thay vì các loài quen thuộc như trắm, cá chép, cá rô, đang được bổ sung và thay thế dần bởi các giống mới như cá chình (ở Phong Nha, Hưng Trạch, Cụ Năm, Liên Trạch), cá chêm, cá mè kè, cá diá, cua, tôm (ở Quảng Minh, Quảng Văn, Mỹ Trạch)...

3.3.3 Không gian tâm linh

Không gian tâm linh chiếm vị trí quan trọng trong tổ chức lãnh thổ quần cư. Trong nghiên cứu này, có hai kiểu chính: không gian chung của cả cộng đồng và không gian riêng của từng dòng họ, gia đình.

a. Không gian chung của cộng đồng

Gồm có 03 nhóm sau:

Không gian tâm linh tôn giáo, tín ngưỡng: nhà thờ giáo xứ, chùa chiền, miếu mạo, đình làng, thờ Thành hoàng làng, rừng thiêng, ...

Không gian tâm linh là di tích quá trình chiến đấu, bảo vệ đất nước.

Không gian tâm linh của ông tổ làng, người khai khẩn, ma xứ.

b. Không gian riêng của từng dòng họ, gia đình

Không gian thờ cúng của dòng họ, gia đình: có nhà thờ họ, bàn thờ gia đình thờ cúng tổ tiên. Các nhà thờ họ của người theo tín ngưỡng Thiên chúa giáo ở 12 xã, thị trấn khá nhiều như nhà thờ giáo họ Na, nhà thờ giáo họ Xuân Tiến ở thị trấn Phong Nha; nhà thờ giáo họ Vĩnh Sơn, Mỹ Sơn ở xã Phúc Trạch; nhà thờ giáo họ Hà Thanh, Gia Hưng ở Hưng Trạch;... Nhà thờ các họ Nguyễn, họ Trần, họ Hoàng, họ Bùi, họ Phan ở các xã khá nhiều,...

Không gian thờ cúng trong mỗi nhà: nếu là người theo đạo giáo trong không gian nhà ở có bàn thờ của đạo theo tín ngưỡng, tôn giáo như Đức Chúa Giê Su, Đức Mẹ, Thánh giá, bàn thờ Phật, Quan Thế Âm Bồ Tát,...sau này có nhiều gia đình còn có thờ ảnh Bác Hồ. Ngoài ra, còn bàn thờ giành cho tổ tiên, người thân quá cố trong dòng họ và gia đình. Các gia đình không theo đạo Thiên Chúa còn có bàn thờ trời trước nhà, am miếu trước sân nhà dành cho các vong linh người thân chưa tìm thấy hoặc mất ở chỗ khác...

Phong cảnh văn hóa phản ánh tập quán và phong tục theo tôn giáo, tín ngưỡng. Vùng miền núi có không gian tâm linh gắn liền với thiên nhiên, ít bị chi phối bởi con người, tạo ra cảnh quan hài hòa trong tự nhiên. Người Kinh có đa dạng tôn giáo và tín ngưỡng, phản ánh qua bố trí không gian, kiến trúc, thẩm mỹ các công trình sáng tạo. Ở nơi tâm linh của người dân tộc thiểu số là không gian hoang dã, bảo tồn cao và tập

trung nhiều loài chim và động vật quý hiếm. Ngược lại, nơi tâm linh của người Kinh thể hiện yếu tố trí tuệ và văn hóa trong kiến trúc, xây dựng và đầu tư tài chính. Sự khác biệt tập quán và tư duy dẫn đến cách ứng xử và sử dụng tài nguyên thiên nhiên khác nhau, gây ra sự thay đổi cảnh quan dài lâu.

3.3.4. Không gian giao lưu văn hóa, kinh tế, xã hội

Qua khảo sát, các địa phương chủ yếu có hai loại: truyền thống và hiện đại. Các không gian truyền thống như công làng, đình làng, chợ truyền thống, giếng làng được bảo tồn nhằm giữ gìn các công trình văn hóa của địa phương. Tuy nhiên, hiện nay chỉ còn một số nơi duy trì hình thức này. Các chợ truyền thống duy trì tại mỗi xã được sử dụng để bày bán các sản phẩm địa phương theo mùa, ở đó phản ánh tình hình sản xuất, đặc điểm kinh tế xã hội thông qua giao lưu hàng hóa. Các không gian hiện đại là trung tâm hành chính xã, trạm y tế, trường học, ngân hàng, siêu thị, bến xe và sân vận động được quy hoạch với kiến trúc phổ biến và ít mang sắc thái văn hóa bản địa.

3.3.5. Văn hóa phi vật thể

Trong cấu trúc không gian CQVH ít thấy yếu tố thể hiện đời sống tinh thần, tuy nhiên văn hóa phi vật thể là một thành phần quan trọng không thể thiếu trong sự hình thành và động CQVH ở LVS Sơn. Những giá trị văn hóa được sáng tạo, lưu giữ và truyền đạt qua hàng trăm năm trong đời sống người dân ở đây tạo nên bề dày truyền thống, tri thức bản địa về khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, kinh nghiệm sản xuất, chữa bệnh, cách ứng xử với thiên nhiên con người, thiên tai, dịch họa,... Như trầm tích sông Sơn bồi đắp, cànug về sau càng đa dạng, phong phú và giàu có hơn...

Khi phân tích không gian bằng công nghệ hiện đại chỉ hiển thị hình ảnh mới nhất về không gian nhưng yếu tố văn hóa phi vật thể lại là yếu tố ẩn. Nó có thể nhìn thấy và lí giải được khi đặt trong các mối quan hệ giữa các thành phần trong cấu trúc CQVH.

3.4. Đề xuất tuyến du lịch nhằm phát huy giá trị và bảo tồn cảnh quan văn hoá địa phương

Đối với người dân địa phương, những giá trị tinh thần được liên kết với địa danh, sự vật, hiện tượng, phong tục tập quán và sự kiện văn hoá, xã hội của một vùng đất là di sản văn hóa. Do đó, cần phải bảo tồn và phát huy các giá trị này trong cộng đồng địa phương.

Hoạt động du lịch sinh thái và du lịch mạo hiểm đã phát triển góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho khu vực này trong những năm qua.

Tuy nhiên, để tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo, cần phải kết hợp các tour du lịch ấy với trải nghiệm văn hoá bản địa, đặc biệt là ở các tuyến có người dân tộc thiểu số. Việc khai thác các yếu tố văn hoá độc đáo, đặc sắc của dân cư bản địa sẽ tạo ra những sản phẩm du lịch mới và khác biệt, đồng thời đóng góp vào phát triển kinh tế địa phương.

Nhóm nghiên cứu đề xuất một số tuyến du lịch như sau:

Tuyến Phong Nha - Thượng Trạch.

Sản phẩm du lịch: du lịch sinh thái kết hợp trải nghiệm văn hoá bản địa.

Tuyến Phong Nha - Arem.

Sản phẩm du lịch: Trải nghiệm du lịch sinh thái, kĩ năng sinh tồn và văn hoá bản địa

Tuyến Phong Nha - bản Đoòng.

Sản phẩm du lịch: trải nghiệm du lịch

sinh thái, kĩ năng đi rừng nguyên sinh, homestay với bà con Vân Kiều, trải nghiệm cuộc sống tự cung, tự cấp của bà con vùng lõi Phong Nha - Kẻ Bàng như hái rau rừng, bắt cá, chế biến các món ăn bản địa.

Tuyến Phong Nha - Gia Hưng.

Sản phẩm du lịch: trải nghiệm cuộc sống nông thôn làng ven sông.

Tuyến Phong Nha - Cự Nẫm.

Sản phẩm du lịch: tham quan làng du lịch văn hoá.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu CQVH LVS Sơn cho thấy có sự đa dạng về loại cảnh quan, nhiều phụ lớp trong một lớp. Cấu trúc cảnh quan phong phú, có sự thay đổi theo chiều ngang và chiều thẳng đứng, dọc theo con sông từ thượng nguồn đến hạ lưu địa hình chuyển tiếp từ miền núi đến đồng bằng. Quá trình biến đổi CQVH gắn liền quá trình giao thoa văn hoá lịch sử, tập quán canh tác, các hoạt động văn hoá xã hội, thích ứng, biến đổi với các điều kiện tự nhiên và xã hội. Động lực thay đổi CQVH ở đây chịu tác động sâu sắc của con người trong các bối cảnh lịch sử và các chủ trương chính sách của nhà nước qua từng thời kì. Hình thức tổ chức không gian quần cư thích ứng với điều kiện tự nhiên, có năng lực ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu, không gian văn hoá mang bản sắc đặc trưng về tôn giáo, dân tộc. Với diện tích lưu vực sông Sơn chiếm phần lớn vùng lõi, đệm trong và đệm ngoài của Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, việc nghiên cứu bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá cảnh quan LVS Sơn cũng là một cách bảo tồn, gìn giữ các giá trị tự nhiên về địa chất, địa mạo, đa dạng sinh học của Di sản thiên nhiên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

- [1] Lâm Thị Mỹ Dung, Chu Lâm Anh (2019), “Phát huy bền vững giá trị tài nguyên di sản khảo cổ học tiền, sơ sử lưu vực sông Thu Bồn”, *Di sản văn hoá*, số 29, 15-24
- [2] Nguyễn Đăng Hội (2021), “Giáo trình cảnh quan học nhân sinh: cơ sở phương pháp luận và ứng dụng thực tiễn (Dùng cho nghiên cứu sinh, học viên cao học các ngành Khoa học Địa lý và Khoa học môi trường)”, *NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ*, 106-164.
- [3] Niên giám thống kê huyện Bố Trạch, 2021
- [4] Bùi Hoài Sơn (2011), “Mối quan hệ giữa du lịch và bảo tồn đa dạng văn hoá: Nghiên cứu trường hợp dọc theo sông Hồng”, *Di sản văn hoá phi vật thể*, số 4(37), 1-4.
- [5] Lê Thông, Trần Trọng Hà, Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Trọng Hiếu, Phạm Thu

Hương, Đỗ Ngọc Tiên, Nguyễn Viết Thịnh (2010), “Địa lý 10”, *Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*, Hà Nội

- [6] Trương Thị Tư (2012), *Nghiên cứu cảnh quan phục vụ sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường*, Luận án Tiến sĩ.

Tiếng Anh:

- [7] Antrop, M. (2006), “Sustainable landscapes: Contradiction, fiction or utopia?” *Landscape and Urban Planning*, 75 (3-4), 87-97.
- [8] Haaren, C. V. (2015), “Landscape planning facing the challenge of the development of cultural landscapes”, *Landscape and Urban*, 60, 73-80.
- [9] Mitchell, N., and Barrett B. (2015), “Heritage values and agricultural landscapes: Towards a new synthesis”, *Landscape Research*, 40, 701-16.

Liên hệ:

ThS. Cao Thị Thanh Thủy

Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: cuocdoivandep7x@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/8/2022

Ngày gửi phản biện: 29/8/2022

Ngày duyệt đăng: 01/8/2023